

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 555/SXD-HĐXD ngày 25/01/2021 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.

Thuộc dự án đầu tư xây dựng: Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Mường Lát.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa.

6. Giải pháp thiết kế chủ yếu: Xây dựng mới khu tái định cư để phục vụ cho 54 hộ dân của bản Nà Ôn, xã Trung Lý, cụ thể như sau:

6.1. Thiết kế san nền:

- Phần lớn khối lượng là đào nền, một số ít vị trí đắp nền được tận dụng đất đào để đắp nền.

- Toàn bộ Khu tái định cư được thiết kế thành 04 cấp cao độ:

+ Cấp thứ nhất bố trí cho các hộ TĐC-01 được thiết kế với cao độ +202,0m nằm phía Bắc dự án;

+ Cấp thứ hai bố trí cho các hộ TĐC-02 được thiết kế với cao độ +212,0m nhìn xuống khu vực bố trí các hộ TĐC-01;

+ Cấp thứ ba bố trí cho các hộ TĐC-03 được thiết kế với cao độ +222,0m nhìn xuống khu vực bố trí các hộ TĐC-02;

+ Cấp thứ tư bố trí phía trước Nhà văn hóa, trường Mầm non, trường Tiểu học được thiết kế với cao độ trung bình +235,0m nhìn xuống khu vực bố trí các hộ TĐC-03.

- Độ dốc mái taluy thiết kế thành 2 cấp chênh cao 5.0m, độ dốc 1/0,75 và bề rộng cắt cơ là 2,0m; Riêng đối với cốt +222,0 lên +235,0 taluy được thiết kế thành ba cấp chênh cao +3,0m đến 5,0m độ dốc 1/1,0; đối với taluy phía Nam vượt nối với đường tự nhiên theo độ dốc 1/0,5;

- Khối lượng san nền được tính theo phương pháp mặt cắt ngang với khoảng cách lớn nhất giữ hai mặt cắt là 10,0m.

6.2. Đường giao thông:

- Đường giao thông của dự án được đầu nối với QL.16 tại 04 vị trí phải tuyến (cos +202,0m đầu nối tại lý trình Km29+810; cos +212,0m đầu nối tại lý trình Km29+900; cos +222,0m đầu nối tại lý trình Km29+970; cos +237,0m đầu nối tại lý trình Km0+100).

- Mặt cắt ngang: lựa chọn theo tiêu chuẩn đường GTNT loại D mặt đường BTXM M250. Chiều rộng nền đường $B_n = 4,5 - 5,0m$, Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0m$, độ dốc ngang $i = 2,0\%$.

- Thiết kế mặt đường: Lớp Bê tông xi măng M250 dày 16cm, lót nilon tái sinh chống thấm, lớp cát tạo phẳng dày 3cm; khe co giãn: Bố trí 5m/khe co; 40m

(8 khe co)/khe giãn.

- Đường phía trong khu vực Nhà Văn hóa, Trường Mầm non, Trường Tiểu học đi vào bể nước sinh hoạt (tại cốt +235m) bố trí đường đất phục vụ đi lại, có mặt cắt như sau: Chiều rộng nền đường $B_n = 8,0m$, độ dốc ngang $i=0,4\%$.

6.3. Cấp nước sinh hoạt:

- Nguồn nước: Nguồn nước lấy từ suối Táo, cách khu vực nghiên cứu khoảng 5.2km về phía Nam dọc theo tuyến Quốc lộ 16. Nước từ Suối được dẫn vào bể lọc thu nước đầu nguồn, sau khi được lọc sơ bộ nước theo ống nhựa HDPE D90 dẫn về bể chứa nước và tự chảy cấp cho các hộ dân.

- Đập đầu nguồn: Kết cấu đập bằng xếp rọ đá hộc.

- Bể thu nước đầu nguồn: Kích thước thông thủy 1,4x3,4m cao 0,6m, đặt ngay tại vị trí thu nước đầu nguồn. Thành bể xây đá hộc vữa xi măng (VXM) mác 75# dày 300mm, nắp bể bằng khung lưới thép mắt cáo.

- Hệ thống dẫn nước từ đập đầu nguồn về bể chứa nước sạch: Sử dụng ống HDPE. Tại các đoạn ống qua đường, qua suối sử dụng bằng ống thép mạ kẽm. Trên tuyến bố trí van xả khí, van xả cặn, bể tách áp.

- Hồ van xả khí: kích thước hồ van 1,24x1,24m, thành hồ xây gạch không nung dày 220mm xây trát VXM mác 75#; đáy hồ đổ bê tông đá 1x2 mác 200#; lót đáy hồ bằng bê tông mác 100# dày 100mm.

- Bể tách áp: Kích thước 1,0x1,0m; đáy và thành bể bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200# dày 200mm; lót đáy bể bằng bê tông mác 100# dày 100mm.

- Bể chứa nước sạch: Bể nổi kích thước $L \times B \times H = (11,6 \times 5 \times 2,75)m$, toàn bộ kết cấu bể sử dụng BTCT đá 1x2 mác 250#; đáy bể dày 250mm kích thước 12x5,4m; thành bể dày 200mm, nắp bể dày 120mm; lót đáy bể bằng bê tông mác 100# dày 100mm. Sân bể bằng bê tông đá 1x2 mác 100# dày 150mm, rộng 1,3m chạy xung quanh bể.

- Hệ thống cấp nước từ bể chứa đến các hộ dân: Sử dụng ống HDPE D90, D75, D50, D25.

6.4. Cấp điện:

- Phân đường điện trung áp 35kV: Xây dựng tuyến đường dây trung 35KV đầu nối tại cột điện trung áp hiện có dài khoảng 36m; kết cấu đường dây dùng cột LT 20m, dây dẫn AsV-70.

- Trạm biến áp 35/0,4kV: Xây dựng trạm biến áp 100kVA-35/0,4kV cấp điện cho khu tái định cư. Trạm có kết cấu như sau: trạm treo trên 2 cột bê tông ly tâm LT-12C hình π , khoảng cách giữa 2 tâm cột là 3.0m. Móng cột TBA sử dụng khối móng bằng BTCT đá 1x2 mác 150#.

- Phân điện hạ thế: Đường dây 0.4KV cấp điện cho khu tái định cư được

dùng cáp nhôm vặn xoắn AL/PVC 4x50, AL/PVC 4x35, AL/PVC 4x25 và AL/PVC. Cột điện dùng cột bê tông li tâm 8.5B và 8.5D. Tại các vị trí móng cột đều được thực hiện tiếp đất lặp lại bằng tiếp địa RC-1, riêng vị trí cột đầu tuyến và cuối tuyến thực hiện tiếp đất bằng tiếp địa lặp lại RC-2.

6.5. Hệ thống thoát nước:

- Nước thải từ các hộ dân cư, trường học, nhà văn hóa được xử lý qua bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước mưa được thu về hệ thống mương, rãnh, sau đó gom và thoát về khe suối hiện có nằm ở phía Tây dự án.

- Mương xây đá hộc chân ta luy cao độ +235,0m: có nhiệm vụ thu nước mưa sườn núi phía Nam, phía Tây dự án. Mương hở hình thang, xây đá hộc dày 40cm VXM mác 100# kích thước thông thủy 50x130x40cm.

- Mương hoàn trả tuyến QL16: Đối với đoạn không chịu lực sử dụng mương hở xây đá hộc dày 40cm VXM mác 100# kích thước 40x120x40cm; đối với đoạn qua đường sử dụng mương đá hộc VXM mác 100# dày 35cm, kích thước thông thủy 100x90cm, nắp đan BTCT đá 1x2 mác 250# dày 20cm.

- Rãnh B300 chân kè mái taluy phun bê tông: xây bằng gạch không nung VXM mác 75#; đáy nắp đan BTCT đá 1x2 mác 200# dày 100mm. Trát VXM mác 75#; Chiều cao rãnh $H_{tb} = (40-60)$ cm tính từ đỉnh nắp đan đến đáy rãnh.

6.6. Giải pháp an toàn chống sạt lở mái taluy:

- Mái ta luy phun bê tông: bảo vệ mái taluy phía trên giáp các khu dân cư bằng phun vữa BTXM dày 7cm kết hợp lưới thép D4 (mắt lưới 5x5cm) và thanh neo dài 1,0m đường kính D16 khoảng cách (1,5x1,5)m; trên bề mặt taluy trung bình 2,0m bố trí ống PVC D50 dài 20cm thoát nước ngầm, khoảng 10,0m bố trí một khe co rộng 2cm; đỉnh mái gia cố bằng sườn BTXM đá 1x2 mác 200# kích thước 35x65cm, chân khay gia cố bằng BTXM đá 1x2 mác 200# kích thước 39x100cm.

- Tường chắn trọng lực BTCT: Đặt tại khu vực khe tụ thủy ở cao độ +202 lên cao độ +212 do phải đắp thêm đất tạo mặt bằng với chiều cao trung bình 7.0m. Tường chắn bằng BTCT đá 1x2 mác 200# cao 7,0m, đáy tường rộng 5,2m.

- Mái kè rọ đá: đặt tại khu vực khe tụ thủy từ cao độ +212 lên cao độ +222. Rọ đá kích thước 200x100x100cm, sử dụng lưới thép mạ kẽm D=2,7mm.

7. Dự toán xây dựng công trình: 25.146.030.000 đồng; trong đó:

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 22.263.862.000 đồng; |
| - Chi phí thiết bị: | 223.190.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 648.823.000 đồng; |

- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.621.331.580 đồng;
- Chi phí khác: 388.823.082 đồng.

(Có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình kèm theo Tờ trình số 555/SXD-HĐXD ngày 25/01/2021 của Sở Xây dựng).

Điều 2. UBND huyện Mường Lát (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mường Lát; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(Mld₁₂)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang